

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỔNG.

QUYỂN 8

CHƯƠNG III: TẬP THIÊN

TRONG PHẦN 1 CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ có ba vị)

1. Truyện Hoằng Nhẫn ở núi Đông Sơn, thuộc Kỳ Châu, đời Đường:

Thích Hoằng Nhẫn, họ Chu, gia đình ngụ ở Tầm Dương thuộc Hoài Tả, có thuyết nói là người xứ Hoàng Mai. Đến lúc Vương phụ Sư già nua, đều can danh bất lợi, mạnh đến Khâu Viên, mẹ Sư mới mang thai Sư qua tháng mà ánh sáng chiếu soi trong sân nhà suốt đêm như ngày.

Đến lúc Sư chào đời thì rực rỡ như ban đầu, có mùi hương lạ lốt mình, cả nhà đều mừng rỡ. Khi Sư biết nói, lời lẽ khác hẳn bao trẻ thơ bình thường. Đến lúc đã thành đứa bé thì ngài dứt chuyện vui đùa, cha Sư mến thương, nhân đó chỉ bảo đọc sách, Vô Ký ứng trở ấy đã sớm un đúc, chân tâm sớm nảy mầm, đến đó thành hiện thực. Một sáng sớm, ngài ra Minh Đồ, lần lựa chốc lát như có sự đợi chờ. Bấy giờ, thiền sư Đạo Tín đi đến gặp, bèn hỏi Sư là: “họ gì tên gì?” Ngài trả lời rõ ràng rành rẽ có chỗ kết quy, lý theo lời phân, tiếng tùy âm đáp, ngài Đạo Tín xem xét kỹ lưỡng rồi khen rằng: “Đây chẳng phải là đứa trẻ bình thường!” Xét cùng hình thể chỉ thiếu bảy tướng của bậc Đại Nhân, không bằng các Đức Phật. Nếu như được dự vào dòng pháp thì hai mươi năm sau, hẳn phải làm được việc Phật lớn lao, gánh vác trọng trách lớn”. Rồi bảo Sư theo Ngài về nhà, nói rõ cho cha mẹ Sư biết nên khuyên Sư xuất gia. Cha mẹ Sư vui mừng nói: “Thiền sư là bậc Long tượng trong nhà Phật pháp, sáng soi khắp cả gần xa, các bậc xuất gia tuần tú đều nương tựa như mây nhóm, đứa bé này đâu có khả năng kham được dạy răn? Nếu rừ lòng thương tiếp nhận, chúng tôi cũng không tiếc nuôi lưu

giữ ở nhà”. Lúc đó Sư mới bảy tuổi.

Khi đến Song Phong, Sư tập tu làm việc của người xuất gia, chẳng ngại khổ nhọc. Ban đêm thì Sư nghiêm chỉnh hình nghi mà ngồi, tự sống đạm bạc, đến khi thọ giới cụ túc, Sư càng gắng kiểm thúc tinh cần. Ngài Đạo Tín thường dùng yếu chỉ đốn tiệm, ngày tháng dạy răn, ngài nghe lời mà xét lý, xúc sự quên tình. Chứng Chánh nhận trần, khát mới uống nước như vậy. Ngài Đạo Tín biết Sư có thể chỉ dạy, nên truyền trao tất cả đạo mâu cho Sư. Lại bảo Sư xây dựng một ngôi tháp đến lúc hoàn tất, bèn kín trao cho Sư pháp y để làm chất yếu, Sư biết sắp ăn được chất béo phì của núi tuyết, tạo tác đề hồ, ăn thọ kim cương của đá biển, đậu nghiêng cây lớn, bạn lữ ôm áo nạp đến tiếp nối không dừng, người đi buôn chẳng vào trong hóa thành, cô gái nghèo mở lớn kho báu. Người vào được đường lối đó, gọi là pháp môn của Đông Sơn.

Ngày 23 tháng 10 đến niên hiệu Thượng Nguyên thứ 2 (675) đời vua Cao Tông, thuộc Tiền Đường. Ngài bảo chúng mà thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi. Ngày đó, mây sương che mờ, đá núi đổ vỡ. Các vị đệ tử như Thần Tú v.v... đón rước toàn thân Sư an táng ở sườn núi của Đông Sơn.

Khoảng đầu niên hiệu Hàm Hanh (670) thời Tiền Đường. Ngài bảo hai, ba vị thiền sinh đệ tử, mỗi vị hãy tự nói lên chí nguyện của mình. Ngài Thần Tú làm một bài kệ trước, ngài Tuệ Năng mới tiếp hòa theo. Ngài bèn trao truyền pháp phục cho ngài Tuệ Năng. Ngài Tuệ Năng thọ nhận y pháp rồi đến Hoàng Hóa ở Thiều Dương, còn ngài Thần Tú đến truyền pháp ở Lạc Hạ thuộc Kinh Môn. Hai Tông Nam Bắc bắt đầu từ đó. Thêm nữa, thiền sư Đạo Tín từng ở Cửu Giang, xa trông đến Song Phong, thấy mây tím như lọng rũ xuống, phía dưới có khí trắng mờ ngang sáu đường. Ngài Đạo Tín hỏi Sư rằng: “Ông biết đó là gì chẳng?” Sư đáp: “Bên cạnh pháp của thầy sẽ lưu xuất ra một phái, cùng trải qua sáu đời”. Ngài Đạo Tín im lặng không nói gì. Mãi đến lúc ngài Pháp Dung hoàng hóa ở núi Ngưu Đầu thuộc Kim Lăng, thì Di Khuyết Tôn mưu tính đến Tuệ Trung, gồm sáu vị hiệu là Ngưu Đầu Lục Tổ. Đây thì bốn tổ, pháp lại phân phái. Nhưng ngài Pháp Dung đối với ngài Hoàng Nhẫn thì thuộc phái lẻ, đâu thể xếp vào dòng chính ư? Khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời vua Huyền Tông, Thái tử Văn Học Diêm Khâu Quân làm bia tháp. Đến thời vua Đại Tông (763-780) ban thụy hiệu là “Đại Mãn Thiên Sư”, tháp đề biển ngạch là “Pháp Vũ”, Kỳ Xuân từ cuối đời Đường cắt thuộc Thiên Bá. Mãi đến năm Ất Hợi (975) thuộc niên hiệu Khai Bảo, thời Bắc Tống. Trước

lúc Vương Sư chinh phục Giang Nam, nhục thân Sư Hoàng Nhẫn đổ lệ như những giọt máu, Tăng đồ chẳng suy lường là điềm ứng họ Lý (nhà Đường) mất nước. Từ đó đến nay, vào khoảng tháng 10 mỗi năm, dân chúng các ấp lân cận cùng nhau thiết trai hỷ kỵ, vẫn còn hưng thịnh. Gần đến ngày hỷ kỵ thì trời mưa, sương mù buồn thảm, chẳng vậy mà còn tuyết rơi lã chã. Đến ngày hỷ kỵ thì trời trở lại sáng trong quang đảng.

2. Truyện Tuệ Năng chùa Nam Hoa ở Thiều Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Năng họ Dư, người xứ Tân Hưng, thuộc Nam Hải. Sư vốn ở Phạm Dương. Cha của Sư Húy là Hành Thao. Vào niên hiệu Vũ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Sư dời đến ở cùng dân chúng tại Tân Châu, cuối cùng dẹp sở. Lược thuật về gia hệ của Sư, không rõ lánh nạn đất Lữ đến dừng ở tại Đảo Di như thế nào. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ 12; tức năm Mậu Tuất (638), Cha mẹ sanh ra Sư. Thuần Thục xa hoài, tánh trí tuệ biểu lộ. Tuy là phong tục Man Lão mà thấm nhiễm chẳng sâu. Nguyện hành Công hạnh bát lố khó lường.

Khi Sư còn bé, cha đã qua đời, mẹ Sư ở vậy, trong nhà không có nghề nghiệp và chẳng còn vật gì. Ngài phải gánh củi bán nuôi sống qua ngày. Tình cờ nghe gần cạnh quán có tiếng tụng Kinh Kim Cương Bát-nhã, Sư lắng thần chăm chú nghe, dừng đợi cạnh bờ tường chẳng bỏ đi. Sư hỏi người ấy được thọ học kinh ấy từ đâu? Đáp: “Từ thiền sư Hoàng Nhẫn ở núi Phùng Mậu thuộc Hoàng Mai tại Kỳ Châu, khuyên hành trì pháp đó, và Ngài bảo sẽ được thấy tánh thành Phật”. Sư nghe nói như thế, dường như kẻ khát được uống nước mát lạnh, bèn vội trở về, chuẩn bị chu toàn mọi vật cần thiết để cung phụng mẹ già.

Khoảng niên hiệu Hàm Hanh (670-674) thời Tiền Đường, Sư đến Thiều Dương, gặp Lưu Chí Lược. Lưu Chí Lược có người cô xuất gia làm Ni tên là Vô Tận Tạng, thường đọc Kinh Niết-bàn, Sư nghe qua, liền vì Vô Tận Tạng mà biện biệt chiết trung nghĩa lý. Ni cô Vô Tận Tạng lấy làm lạ bởi Sư không biết chữ, Sư bảo rằng: “lý luận của các Đức Phật, nếu chấp lấy văn tự thì không phải ý của các Đức Phật”. Ni cô vô cùng thán phục, tôn xưng Sư là Hành Giả. Và khuyến khích Sư ở đến trụ chùa Bảo Lâm để tu đạo. Ngài tự bảo chính mình là “vốn lập thệ nguyện tìm cầu thầy, mà lại tham ở chùa, ấy là đạo gì vậy? Khác gì bỏ đi rồi trở về nhà ư?” Ngày hôm sau, Sư liền đi về phía Tây huyện Lạc Xương, vào một động đá, nương tựa Thiền sư Trí Viễn, Sư cùng hầu

tòa bàn thuận đạo mầu. Thiền sư Trí Viễn bảo Sư: “Hành giả thấu biết đến chỗ chẳng như phàm tình. Tôi không biết, tôi thật không biết vậy! Xin khuyên Hành giả đến Kỳ Xuân chỗ đức Ngũ Tổ để ấn chứng đi, tôi trọn ở dưới cơ phong cầu xin thỉnh giáo”.

Sau đó không bao lâu, Sư đến chỗ Hoàng Mai, ngài Hoàng Nhẫn thấy Sư tướng mạo chẳng sáng sủa, mới thử hỏi Sư rằng: “Ông từ đâu đến?” Sư đáp: “Vốn từ Lãnh Nam đến xin tham lễ, chỉ cầu làm Phật” - Ngài Hoàng Nhẫn bảo: “Người xứ Lãnh Nam không có Phật tánh”. Sư thưa: “Người thì có nam bắc, chứ Phật tánh không có Nam bắc”. Ngài Hoàng Nhẫn hỏi: “Người làm việc gì để có công đức?” - Sư thưa: “Xin ra sức ôm đá giã gạo để cúng dường tăng chúng thôi”. Từ đó ngài khổ nhọc với giếng nước cối xay, đốc thúc tịnh nhân mà đứng đầu. Sư thấu rõ “sinh tử kia và Niết-bàn thấy đều bình đẳng”. Ngài Hoàng Nhẫn tuy quân dưỡng, nhưng tâm làm sao biết rõ, bèn bảo ngài Thần Tú đề xướng kệ trình bày sở đắc của mình. Sư liền hòa theo đó. Kệ viết lên tường vách, kiến giải rạch ròi, yết lệ chẳng đồng, cạn sạch cách biệt. Ngài Hoàng Nhẫn bèn phó thác pháp y cho Sư, bảo rằng: “Trước kia thầy ta lần lượt truyền trao, đâu cần luống nhọc như vậy! Than ôi người đời sau này, ai thọ nhận y pháp của ta thì mạng sống mong manh như chỉ tơ! Con nên biết đó”.

Sư định trở về nguyên quán, ẩn cư tại các xứ Tứ Hội, Hoài Tập, dần dần bày lộ cơ phong đỉnh ngộ. Sư đến đất Nam Hải, chỗ pháp sư Ấn Tông giảng Kinh Niết-bàn, thính chúng nhóm tụ đông nhiều, Sư cùng luận bàn giáo động hay phước động. Ngài Ấn Tông cạn lời mà thần phục. Mới vì Sư mà làm lễ xuống tóc tại chùa Pháp Tánh. Luật sư Trí Quang truyền giới cụ túc. Tại chỗ Sư Đăng đàn thọ giới trước kia vào thời Nam Tống, Tam Tạng pháp sư Cầu-Na-Bạt-Ma tự tay thiết lập. Ngài Cầu-Na-Bạt-Ma là bậc đã chứng đắc quả vị và đã huyền ký rằng: “Sau này tại đây sẽ có vị Bồ-tát Nhục Thân thọ giới”. Lại, vào cuối đời Lương, Tam Tạng pháp sư Chân Đế tự tay trồng cây Bồ-đề ở bên cạnh đàn, và bảo với chúng tăng rằng: “một trăm hai mươi năm sau, sẽ có bậc đại sĩ ngồi tại đây nói pháp Đại Thừa, độ vô lượng chúng”. Đến nay thì Sư bèn tới chỗ ấy, quả thật ở dưới tàng cây, khai giảng pháp môn Đông Sơn, thấy đều phù hợp với các lời sấm ký trước kia. Vào khoảng niên hiệu Thượng Nguyên (674-676), thời Tiền Đường, trong lúc Sư đang giảng nói tông phong, bỗng nhiên ngài bùi ngùi chẳng vui, Đại chúng thưa hỏi: “Do đâu Sư có vẻ như thế?” Sư bảo: “Đời không dứt, sanh diệt chẳng thường, thầy của ta nay đã quy tịch”. Tin dữ đưa

đến mà tin, Sư bèn dời đến trụ chùa Bảo Lâm. Bấy giờ, Quán Thứ Sử Vĩnh Cự thỉnh Sư ra ở chùa Đại Nam, Sư từ chối và đến khe Tào Hầu ở núi Song Phong. Như rồng lớn chột bay lên, mưa móc đều ban rải, mọi vật từ đó đâm cành rễ mà được lợi ích. Khách Ngũ nạp đến chập cửa, bốn bộ chúng vây quanh dưới tòa. Bấy giờ Ngài tuyên dương bí kệ, hoặc nêu bày Khế kinh. Tất cả đều hun đúc hoặc nghe Tượng tạng, cùng lúc bước lên đều lấy được ngọc rấn, đều do Đường đi tắt thấy đều về Viên cực. Do đó, trong thiên hạ nói rằng: “Đạo thiên lấy Tào Khê làm thật”. Đến lúc Hoàng đế nghe được, muôn dặm theo tâm. Sư nghĩ suy phối bày mà đón rước. Muốn quy y cho vừa ý nguyện. Võ Thái Hậu Hiếu Hòa Hoàng đế đều ban thư ấn chiếu sắc mời Sư vào cung khuyết, do Thiền sư Thần Tú tấu trình đề cử. Tiếp theo lại sai bảo Trung Quan Tiết Giản đến mời, Sư đáp lại bằng cách viện cơ bệnh mà không đến. Như tâm ngài Tử Mâu dám quên phụng khuyết, chân ngài Tuệ Viễn chẳng bước qua Hồ Khê. Ngài hẳn lấy đó mà khước từ, chẳng phải khinh mạn Quân Vương. Nhà vua bèn ban tặng một chiếc áo nạp Cà-sa, một bình bát, một tràng hạt, dệt thành khăn kinh Chất Lục rắng hồng, khăn gấm hoa, bốn năm trăm xấp lụa sung vào dâng cúng dường v.v... Lại dâng hiến nhà cũ ở Tân Hưng sửa chùa Báo Ân.

Đến niên hiệu Thần Long thứ 3 (707), vua Trung Tông ban chiếu đến xứ Thiệu Châu tu sửa lại điện Phật và Phương Trượng chỗ Sư ở, sắp xếp trang nghiêm và đổi lại biển ngạch là “Chùa Pháp Tuyền”. Đến tháng 7 niên hiệu Diên Hòa thứ nhất (712), Sư bảo các đệ tử đến chùa Quốc Thanh xây dựng một ngôi tháp, đốc thúc làm cho mau hoàn tất. Qua ngày mồng 3 tháng 8 niên hiệu Tiên Thiên thứ 2 (713), Sư thị hiện tướng bệnh, có mùi hương thơm khác lạ đầy phòng, vừng cầu vồng quay cùng sát đất. Thọ trai xong, Sư tắm gội, thay y phục, búng ngón tay không thôi. Hơi thở từ từ dịu lắng, toàn thân vắng lặng, mắt nhắm lại. Khi đó núi đá nghiêng đổ, nguồn sông cạn khô, chim muông hót lời buồn thương, khỉ vượn nát lòng gào réo. Hoặc có tiếng buồn than rằng: “Mắt sáng của thế gian đã nhắm, chúng nương tựa vào đâu?” Sư thọ bảy mươi sáu tuổi.

Tháng 11 năm đó, dời tòa Sư về nguồn ở Tào Khê. Đệ tử là ngài Thần Hội tự như Nhan Hồi đối với Khổng Khâu, bao nhiêu lời khấn thiết ủy thác của Sư đều từ ngài Thần Hội truyền nói lại. Ngài Thần Hội đến chùa Hà Trạch ở Lạc Dương, tôn kính dựng lập Chân Đường thờ Sư. Binh bộ thị lang Tống Đảnh soạn văn bia. Ngài Thần Hội tuần tự trình bày mạch phái Tông Phong, từ đức Như lai trở xuống các vị tổ sư ở Tây

Vực. Ngoài ra, tại đất Trung Hoa (Chấn Đán) có sáu vị đệ tử, thầy đều đắp họa tôn tượng để phụng thờ. Thái Úy Phòng Quản Tạo “Lục Diệp Đồ Tự”. Lại đem hình thể an tọa không rõ của Sư như nhập thiền định, về sau có sơn phết thêm. Lại nữa, Sa-môn Phương Biện người đất Thục đắp họa một hình tượng nhỏ, hình dạng như ngày xưa. Sư từng nói rằng: “Sau khi ta thị tịch, có người thiện nam sẽ đến lấy chiếc đầu của ta, các ông chớ lấy làm lạ”.

Có người nhớ lại lời đó của Sư nên dùng sợi xích quàng xiềng ngang cổ Sư. Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 11 (723) quả thật có người quê ở Nhữ Châu bị sự mua chuộc của người xứ Tân-la ngầm đem dao đến cắt lấy đầu Sư với ý muốn mang về Hải Đông để cúng dường. Có người nghe tiếng sắt va chạm nên bắt giữ lại ở dưới tháp đó cất giấu chiếc Y Uất-Đa-La-tăng, có màu xanh đen tợ ngọc bích và áo lục kếp, ở nhân gian chẳng có vật này, đã từng bị cướp trộm đi, song kẻ cướp mê lạc lối, trở lại cởi bỏ hoàn trả.

Khoảng niên hiệu Chí Đức (756-758), ngài Thần Hội sai đệ tử Tiến Bình đưa ra một chiếc răng sâu, Triều đạt danh trọng vọng, nếu Tống Chi hỏi thì nêu yết trường thiên do ngài soạn có như Trương Yên Công nói, gởi mười cân hương và thơ, Phụ Vũ Bình nhất chí, bài thơ chép:

*“Đại sư bỏ thế gian
Pháp thân còn lưu lại
Nguyện gởi hương vô ngại
Tùy tâm đến Nam Hải”.*

Vũ Công nhờ môn nhân Hoài Nhượng đúc một quả chuông lớn, vì soạn bài minh khen ngợi. Tống Chi hỏi thơ. Kế là, Quảng Châu Tiết Độ Tống Cảnh đến lễ bái tháp đó, hỏi đệ tử là Linh Thao về nghĩa vô sanh Pháp Nhãn, Tống Công nghe pháp mà vui mừng, hương về tháp cầu xin ứng hiện điềm lành. Bỗng chốc có gió nhẹ dần thổi, mùi hương lạ xoay vần quanh người, mưa rơi lả tả, chỉ khắp cùng khuôn viên chùa mà thôi, có rất nhiều điềm lạ, ở đây tránh sự rườm rà nên không ghi thêm.

Sau, vua Túc Tông (756-763) ban chiếu chỉ thỉnh mời ngài Linh Thao là đệ tử của Sư, nhưng ngài Linh Thao cáo bệnh không đến mà bảo ngài Minh Trọng mang bình bát và pháp y được trao truyền của Sư đến triều đình xong thỉnh trở về lại. Hoàng đế Hiến Tông (806-821) truy tặng Sư thụy hiệu là “Đại Giám”, tháp đề biển ngạch là “Nguyên Hòa Chánh Chân”. Mãi đến cuối đời Đường, dòng họ Lưu xưng chế phân khu, mỗi năm đến tiết Thượng Nguyên đất hương chong đèn, đón rước

Chân thân Sư vào thành cho muôn dân cầu phước. Sau khi nhà Tống (Bắc Tống) bình trị Nam Hải xong, kẻ cướp Chu Tư Quỳnh ở Thiều Châu làm phản, xác xược, thiêu đốt chùa tháp, đến lúc lửa sắp cháy, lúc bình thường Nhục Thân ngài với hai người mạnh khỏe không sao cất nhắc nổi, song khi lửa tấp đến, chỉ hai vị tăng khiêng lấy mà tượng nhẹ như áo giáp lông tơ. Đến niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 3 (978) thời Bắc Tống, vua Thái Tổ ban sắc chiếu chỉ xây dựng lại tháp, đổi tên chùa là Nam Hoa.

Liên hệ thử bàn:

Do đâu mà Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn rõ biết về sự ngộ đạo của một vị cư sĩ tại gia mà trao truyền y bát? Thông đáp: “Chỉ một lời nói biết về tâm là không còn ngờ vực gì nữa. Huống gì ghi nhận tâm xoay chuyển, như các ngón tay trên bàn tay”.

Thiền sư Hoằng Nhẫn ban thí giáo pháp nhất vị, sao để cho người tại gia thọ y pháp, bình bát. Mà ngài Thần Tú không được nhận ư? - Thông đáp: “Pháp đó đâu có phân biệt kẻ tăng người tục, hễ ai đắc thì truyền, chớ hâu mới phân ra phần khí, đồng tánh hay dị tánh khác nhau. Vì Tổ sư là thợ đúc nắn, khéo biện biệt tinh thô nên dùng y pháp trao làm niềm tin. Thí như có ba đại lực sĩ bắn Kiên Lạc-Xoa; một người tên là Ma-Kiền-Na bắn trúng mà không thủng, người thứ hai là Bát-La-Tắc-Kiến-Đề bắn thủng mà không đạt, còn người thứ ba là Na-La-Diên bắn đạt mà lại xuyên các vật, chẳng phải Kiên-lạc-xoa có cứng có mềm mà chỉ bởi thế lực bắn khác nhau mà thôi. Ngài Tuệ Năng có thể ví là Na-La-Diên bắn mà được tưởng thưởng”.

Y là vật làm tin, đến thời ngài Tuệ Năng không trao truyền nữa, không giống như sự trao truyền thiên hạ (ngôi vua) của thời Hạ Vũ ư? Thông đáp: “Ngài Hoằng Nhẫn bảo: người được trao truyền y pháp thì mạng sống tựa hồ sợi tơ treo lơ lửng. Ý của ngài Hoằng Nhẫn là như thế. Thêm nữa chúng hội bầm thọ giáo pháp của Tổ thì có thừa, mà hạnh hành hóa thì chẳng có ai”. Nên về sau đến dòng quân bộ mới nghiệm biết sự đoán trước của ngài Tuệ Năng. Sư không trao truyền y bát không mắc lỗi keo lận. Nên nói: “biết được người là bậc hiền trí. Ôi...!”

3. Truyện Thần Tú chùa Độ Môn ở núi Đang Dương, thuộc Kinh Châu, thời Tiên Đường:

Thích Thần Tú, họ Lý, là người họ Úy, ở Đông Kinh hiện nay. Từ thuở thiếu thời, Sư xem cùng kinh sử, thông thạo học rộng. Thế rồi, Sư phát chí xuất trần xuống tóc thọ pháp. Sau Sư gặp được Ngũ Tổ Hoằng

Nhẫn chùa Đông Sơn, ở Song Phong, thuộc Kỳ Châu, lấy pháp ngồi thiền làm việc chính. Sư mới ngời khen rằng: “Đây thật là thầy của ta!” Sư bèn quyết tâm chịu khó bửa củi gánh nước, tự phục dịch mà cầu đạo.

Xưa kia, cuối đời Ngụy, có Sa-môn Đạt-ma từ Tây Trúc chứng đắc pháp mầu Thiền tông. Từ Đức Phật Thích-ca Thế tôn truyền thọ nối nhau, dùng y bát làm vật báu chứng tín. Ngài Đạt-ma theo thuyền bằng đường biển đến Trung Hoa. Vua Vũ Đế (502-550) thời Nam Lương đem việc Hữu vi mà hỏi, ngài Đạt-ma lại quý truyền thẳng cửa tâm yếu, nên cơ giáo trái nhau, như dùng nước chọi đá, ngài bèn lui về ở ẩn tại chùa Thiếu Lâm ở Trung Khâu thuộc đất Ngụy. Sau đó Sư thị tịch. Năm đó, sứ nhà Ngụy là Tống Vân gặp ngài Đạt-ma tại Thông Lĩnh, trở về trình bày lại. Môn đồ đảo mộ lên thì chỉ có chiếc y và giày mà thôi. Ngài Đạt-ma truyền trao pháp ấn cho ngài Tuệ Khả, ngài Tuệ Khả lại truyền cho ngài Tăng Xán, ngài Tăng Xán truyền cho ngài Đạo Tín, ngài Đạo Tín truyền cho ngài Hoàng Nhẫn. Ngài Hoàng Nhẫn và ngài Đạo Tín đều trú tại chùa Đông Sơn, nên gọi là pháp đó là “Pháp Môn Đông Sơn”.

Sư một lòng phụng thờ ngài Hoàng Nhẫn, ngài Hoàng Nhẫn thâm biết, vô cùng quý mến mà nói với mọi người rằng: “Ta độ người rất nhiều. Đến như Huyền Giải, Viên Chiếu, song không ai trước người (Thần Tú)”. Trong khoảng niên hiệu Thượng Nguyên (674-676) thời Tiền Đường, ngài Hoàng Nhẫn thị tịch. Sư mới dời đến ở núi Đương Dương, thuộc Giang Lăng, chư tăng bốn phương nghe đạo phong của Sư mà tìm đến. Từ đó danh tiếng đạo hạnh của Sư vang vọng thắm đượm khắp nơi. Thái Hậu Vũ Tắc Thiên (690-705) nghe tiếng mà thỉnh Sư đến chốn thành đô. Khiêng kiệu lên điện, đích thân Thái Hậu quỳ lễ. Tại nội đạo tràng thường luôn có đủ mọi thứ để cúng dường, thường hỏi đạo mầu. Thái Hậu ban sắc núi; chỗ trước kia ngài ở, đặt tên là chùa Độ Môn, để tán dương Đức Hạnh của Sư.

Bấy giờ các hàng vương công cho đến sĩ dân, từ triều đình đến thôn dã đua nhau đến thăm yết lễ bái. Vọng trần bái phục, hằng ngày có đến hàng muôn người. Quan Trung Thư Lệnh Trương Thuyết thường thưa hỏi pháp, giữ lễ làm đệ tử. Sau khi trở về bảo với mọi người rằng: “Thiền sư (Thần Tú) thân cao tám thước, mày dày mắt đẹp, oai đức cao vợi, có khí phách của Vương Sương”.

Ban đầu, Sư cùng bạn đồng học là Thiền sư Tuệ Năng, là bậc có đức hạnh ngang bằng, đồng được phát huy nâng đỡ, không riêng tự đối

với đạo. Sư từng tấu trình với Thái Hậu Vũ Tắc Thiên thỉnh ngài Tuệ Năng đến chốn thành đô. Ngài Tuệ Năng khấn khoản cố khước từ. Sư lại tự viết thư trình bày rõ ý của Hoàng Thái Hậu, nhưng không hề lay động được ý ngài Tuệ Năng. Ngài Tuệ Năng nói với sứ giả rằng: “Thân hình tôi không cao đẹp, người đất Bắc mà thấy sự thấp xấu của tôi sẽ chẳng kính trọng pháp. Hơn nữa, thầy tôi đã dự ghi tôi có duyên với xứ Lĩnh Nam, nên tôi không thể làm trái, nên Sư chẳng hề đến Đại Dữ Lĩnh cho đến lúc qua đời”. Trong thiên hạ rải rác loan truyền đạo tình đó, bảo rằng: Tông Phong của Sư ở tại đất Bắc, còn Tông Phong của ngài Tuệ Năng là ở đất Nam”. Danh từ “Nam Năng Bắc Tú” phát xuất từ đó.

Đến niên hiệu Thần Long thứ 2 (706) thời Tiên Đường, Sư thị tịch. Các hàng sĩ thứ cùng đến dự lễ tang. Triều đình ban tặng thụy hiệu là “Đại Thông Thiên Sư”. Thêm nữa, tại Tương Vương Cự để xây dựng chùa Báo Ân, Kỳ Vương Phạm Yên Quốc Công Trương Thuyết, Trưng Sĩ Lữ Hồng Các đều soạn bia kính viếng. Đến thọ phục lễ tang Sư, các hàng danh sĩ đạt quan nhiều không xiết kể. Sư có các vị đệ tử như Phổ Tịch, Nghĩa Phước đều là những bậc mà từ triều đình cho đến thôn dã mọi người đều kính trọng, bởi chính do đạo hạnh của Tiên sư.

Liên hệ thử bàn:

Hễ ngọt đắng trái nhau thì khí vị khác nhau, ngọt chẳng hơn đắng thì thuần đắng thừa thời. Đắng chẳng hơn ngọt thì thuần ngọt dụng sự. Như vậy là thuốc trị bệnh. Thiên trọng phải bỏ vậy.

Ngày xưa, Tổ Sư Đạt-ma quy tịch mà lời vàng tuyệt diệu. Thiên sư Hoàng Nhẫn thị tịch mà đại nghĩa trái ngang. Ngài Thần Tú lau quét để rõ tâm, còn Tuệ Năng dùng “đều chẳng” mà xướng đạo. Mãi đến lúc lưu hóa ở phương Bắc vẫn còn siêng năng tập luyện. Từ đó phân ra một nhánh phương Nam, phục hưng thuyết Đốn Môn. Do đó, từ chùa Hà Trạch hành hóa đến Trung Hoa, dùng Đốn môn để bỏ sự phiền toái của tu luyện, chưa đổi đời Bàn Thạch thì e rút ngắn tượng vi, không phí xáo động tâm, đến cùng khiếu mỗi tự kết thân với chỗ thân, kết bạn cùng đồng đẳng. Nên có đàn tấu của Lữ Địch; Đồ Thiên của Thần Hội. Ấy bởi lỗi thực hành chữa trị chuyên ở nhất vị, nhờ đó thấy được ứng nghiệm của đắng ngọt trái nhau. Lý bệnh chưa hiệu quả, trái nhau mà trước thành, chỉ nên vì pháp mà quý trọng người, sao lại do nơi người mà hại pháp. Hai đệ tử tẩy rửa chân thầy, trừ dơ chưa kịp, tri kiến bề chân người, đó là thí dụ.

4. Truyện Tuệ Minh ở Mông Sơn, thuộc Viên Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Minh, họ Trần, người ở xứ Bá Dương. Vốn là cháu của Trần Tuyên Đế, vì nước mất nên lui về vui với ruộng vườn.

Thuở thiếu thời, Sư xuất gia ở chùa Vĩnh Hương, mến đạo thiết tha, nên đến cầu pháp ở Song Phong. Dưới thời vua Cao Tông (650-684), Sư nương tựa Pháp Tịch của Thiên sư Hoằng Nhẫn, dốc ý nghiên tâm. Song, ban đầu không được chú ý, chỉ như chó của nhà có tang. Bỗng nhiên nghe ngài Hoằng Nhẫn thăm trao truyền y bát cho cư sĩ dòng họ Lữ (Tuệ Năng), Sư liền dẫn vài mươi người cùng chung chí hướng dẫn theo dấu vết tìm đến tận Đại Dữu Lãnh, thì Sư thấy trước tiên, còn những người kia chưa thấy kịp. Tổ sư Tuệ Năng thấy đoàn người đến liền ném y Ca Sa trên tảng đá. Sư nói: “tôi vì pháp mà đến đây chứ không phải mong cầu y bát!” Lúc đó, ngài Tuệ Năng đứng trên đỉnh núi cao, một bề chỉ bảo, Sư thông suốt tất cả. Trong lúc đang buồn vui lẫn lộn, Sư hỏi ngài Tuệ Năng rằng: “Con nên đi đến phương nào?” Ngài Tuệ Năng dự ghi cho Sư rằng: “gặp Mông nên ở, gặp Viên có thể dừng!” Ngài bèn bái lạy mà đi và đổi lại tên mình, lấy lại tên nước là “Đạo Minh”. Bước xuống chân núi, Sư gặp chư tăng bèn bảo: “Tôi leo lên tận đỉnh núi cao tìm kiếm nhưng không có dấu vết gì”. Chư tăng bèn trở lui, chuyển sang hướng khác.

Có thuyết khác nói rằng: “Lúc ngài Tuệ Năng ném bỏ y bát trên tảng đá, bảo rằng “y bát này là bảo vật chứng tín, đâu thể dùng sức lực mà tranh giành được? Tùy ý ông lấy đi”. Sư bèn đưa tay cầm lên nhưng chỉ như mang hàng chục cân đá không cất lên nổi, nên đành khoanh tay thả cờ. Lúc đó là niên hiệu Hàm Hanh thứ 4 (674). Vì trước kia, lúc Sư chưa bỏ nhà xuất gia, đã từng làm gia vệ nên có hiệu là Tướng Quân. Nghi Xuân Thái Thú Tần Trác tâu vua thụ hiệu như vậy.

5. Truyện Thân Hội trụ chùa Hà Trạch, ở Kinh đô Lạc Dương, thời Tiền Đường:

Thích Thân Hội, họ Cao, người ở xứ Tương Dương. Từ thuở bé, Sư học hành tánh thông minh, theo thầy được trao cho năm kinh, Sư thông suốt chỗ sâu kín. Kế đến, Sư tìm học Lão Trang Linh Phù, thấy đều tỏ rõ. Nhân đọc Hậu Hán Thư mà Ngài biết được thuyết của Phù-đồ (Đạo Phật). Do đó, đối với đạo Phật, Sư bèn hướng tâm đặt để. Sư mới bỏ y ý định thăng quan tiến chức, già từ cha mẹ, đến cầu xuất gia với Pháp sư Hạo. Nguyên ở chùa Quốc Xương ở phủ này.

Sư đọc tụng các kinh, chỗ đi đồng như lật bàn tay, vẹn toàn đại luật nghi, Sư chẳng tham giảng suốt. Nghe Thiền sư Tuệ Năng trú tại khe Tào Hâu ở Lãnh Biểu, thanh hành mở mang đạo pháp, các hàng học giả đua nhau tìm đến, Sư bèn học theo Đồng tử Thiện Tài lên đường tham vấn phương Nam, xé xiêm y lột chân, đường dài ngàn dặm mà như chỉ trong vài bước. Đến lúc gặp gỡ, ngài Tuệ Năng hỏi: “Ông từ đâu đến?” Sư đáp: “không từ đâu đến”. Ngài Tuệ Năng hỏi: “Ông chẳng về ư?” Ngài đáp: “không có chỗ nào về”. Ngài Tuệ Năng bảo: “Ông quá mênh mêng”. Sư thưa: “thân duyên ở đường”. Ngài Tuệ Năng bảo: “Do tự chưa đến”. Sư đáp: “Nay đã được đến, hãy không dính mắc”. Ngài ở tại Tào Khê được vài năm, sau đó tham tầm các danh tích.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 8 (720), Sư được vua ban chiếu về trụ chùa Long Hưng ở Nam Dương. Rồi tiếp tục đi đến Lạc Dương, hành hóa thiền pháp, danh tiếng đạo hạnh ngày một sáng ngời. Trước kia, khoảng giữa của hai kinh đều do Tông Phong của ngài Thần Tú hoằng hóa. Như trứng cá không chìm giúp nuôi rồng ở ao vầy. Từ đó Sư khơi sáng được nguồn tâm từ Tông Phong của Lục Tổ Tuệ Năng, dẹp bỏ Đạo tiệm tu. Do đó, hai Tông nam bắc mới bắt đầu phân rẽ. Đến như pháp môn của ngài Phổ Tịch về sau cũng trống rỗng.

Vào niên hiệu Thiên Bảo (742-756), có ngự sử Lư Dịch đỡ đầu hỗ trợ cho ngài Phổ Tịch, vu khống dèm tấu cho rằng “Sư (Thần Hội) nhóm họp đồ chúng, nghi là có mưu mống bất lợi”. Vua Huyền Tông mời Sư về kinh. Lúc giá đến Chiếu Ứng, thang đối đáp, lời lẽ lý luận thầy đều thích ý, nhà vua bèn ban sắc cho Sư dời đến quận Quân, hai năm sau ban sắc dời đến trụ viện Bát-nhã chùa Khai Nguyên ở Kinh Châu. Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ 14 (756), An Lộc Sơn ở Phạm Dương, cát binh nội hưởng, hai kinh ly loạn, giá đến Ba Thục. Phó Nguyên Soái Quách Tử Nghi dẫn binh bình trị hết, nhưng ở Phi Vãn mà Cầu xin, dùng Quyền kế của Hữu bộc Xạ Bùi Miện, các Đại phủ mỗi đều thiết lập giới đàn độ tăng, thu thuế chư tăng gọi là Tiền Hương Hỏa. Nhóm họp là để giúp việc cần của Quân Binh. Đầu tiên, Lạc Đô bị vây hãm, Sư vượt tại thảo giới (= cỏ rác). Bấy giờ, Lư Dịch bị giặc giết chết, mọi người cùng bàn tính mời Sư làm chủ đàn độ. Khi đó, khắp các chùa viện cung quán đều bị đốt phá, mới quyền biến dựng lập một phòng viện bằng cỏ lá, mà bên trong thiết trí Đàn vương với các thứ của cải gấm lụa có được, thầy đều chi phí cho quân lính. Hoàng tử Đại Tông Quách Tử Nghi thân lấy lại được hai kinh, cũng nhờ Sư viện trợ giúp đỡ hết sức. Hoàng Đế Túc Tông (756-763), mời Sư vào nội cung cúng dường. Ban

sắc cho làm Đại Tượng, đều công ngang sức, vì Sư mà xây dựng thiền viện trong chùa Hà Trạch. Sư trụ tại đó mở mang phát huy Tông Phong của Lục Tổ Tuệ Năng, khiến cho pháp tịch nơi tông môn ngài Thần Tú ngày một hiu hắt.

Đến niên hiệu Thượng Nguyên thứ nhất (760), Sư phó chúc và từ biệt môn nhân đệ tử, đứng dậy khỏi tòa hương lên hư không vọng bái, rồi trở về phương trượng. Đêm đó ngài thị tịch, thọ chín mươi ba tuổi. Hôm đó nhằm ngày mồng 3 tháng 5, dời tháp về chùa Bảo Ứng ở Lạc Dương. Vua Túc Tông ban tặng Sư thụy hiệu là “Chân Tông Đại Sư”, tháp hiệu là “Bát-nhã”.

Liên hệ thử bàn:

Tu theo giáo điển mà chẳng đổi phong tục, sửa đổi chính sách đó mà chẳng thay đổi thói quen đó. Quý ở chỗ dần dần. Ngài Thần Hội từ phương Nam đến đất Bắc, hành hóa pháp yếu của Tào Khê. Tại Lạc Trung càng thanh như thời ngài Tuệ Năng tự chẳng khác. Ngoại hộ đã thành đó là tốt. Huống gì bên cạnh không người đủ sức xoay chuyển, chỉ lắm hẹp hòi, muốn chẳng đuổi đi đó có được chăng?

Có người bảo rằng: “lỗi đó chẳng nhiều sao vội vàng thế?”

Thông đáp: “kỵ là lúc Phạm, tội chẳng tại lớn. Mất chỗ thích đáng, lỗi chẳng ở sâu. Sau đó, xét xem sự vội vàng đó mới biết được thời sự. Cho nên, Đức Phật là bậc trải qua muôn kiếp học hóa hành, biết hóa hành là khó, không để cho vì mình mà tổn hại đến giáo pháp. Phải thận trọng điều đó!

6. Truyện Đàm Thôi trụ chùa Trúc Lâm ở Nhuận Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đàm Thôi họ Cố, người ở Quận Ngô. Dòng họ nổi tiếng ở nước Triệu, Sư lại càng người sáng. Thừa tướng có công giúp mạng, thượng thư được khen mạnh cứu. Áo mũo đánh trụ cao như Thái Nhạc Đại Phong, Lệnh Vấn huy du, Giang Hán làm giềng mối của nước Nam. Tinh Tượng Giáng tinh linh, chỉ so với Phước đức. Đức Trùm Thai giáo, Hương hợp điềm mộng, Huyền Khai ứng điềm của Thánh Thượng, Thần Bảo chứa khí của Hà Phần. Ngài đặc biệt bảm thọ chuẩn mực khác thường nên vừa mới chào đời mà chẳng như kẻ phàm. Ngay ngày lót tả mà trẻ nít đến cầu, đang lúc đeo kẹp mà quên thân vì đạo. Sư hiền hòa mẫn tuệ thuần tố, ôn dung cung kính mà được sáng. Thần khí sớm soi, phong thái thanh tao dần phát, bèn khởi chí thoát trần, bày tâm ngoài vật. Kinh vàng bí tạng ngày tụng đến muôn lời, chẳng quá một năm mà

kinh tạng thông lâu. Cho nên, lúc ve già, Sư luôn nghĩ đến tông tượng.

Đầu tiên, Sư đến phụng thờ Đại sư Pháp Dung ở Ngưu Đầu. Ngài Pháp Dung cẩn ý hoài hùng, như Đạt-ma đến Đông Độ. Cột báu Phạm đồng chống bờ biển lớn, lương mục cho là thượng căn, mới chỉ dạy, bảo rằng: “thanh sắc là chẩm độc của vô sanh. Thọ tướng chính là cạm bẫy của chí nhân. Càng xa thì lấm bùn, con chẳng mong muốn ư?” Sư im lặng suy xét. Trục Bí riêng ăn thức ăn cam lồ thượng vị, uống nước nho, như chim cánh vàng chẳng ăn vật khác. Trời Đế-thích chẳng chung sống cùng loài quý, nương được ẩn vết tại Chung Sơn, dứt thì thói quen rò rỉ, dưỡng định Kim Cương, hưởng đến ngôi vị Đại Năng, Sa-môn không rừng nhiều năm trải qua lấm nơi chốn.

Bấy giờ, tại Hoài Nam, người đứng đầu dẫn dắt là Thiên sư giác ở Quảng Lăng. Bậc danh đức tại Giang Tả là Pháp sư Như ở Kiến Nghiệp. Sư đều chống tích tìm đến, hàng tâm nghĩa thể, nắm giữ ngọc báu, ôm hoài vật báu, hư đi thật về. Hoàng Thái Hậu Vũ Tắc Thiên mỗi lúc lâm triều kính hành Phật sự, nêu cao đạo nghiệp, khắp khuyên ân cần bằng chiếu thư. Bấy giờ, Pháp sư Ước ở Thê Hà là bậc tài giỏi trong cửa Phật, đích thân đem sự thuận hậu khuyên can triều đình. Thái Hậu Vũ Tắc Thiên xem chiếu, Hoàng Minh sợ chưa phải thế. Sư bảo: “Kỳ Bá khước từ làm thầy của Đế Thuấn, Can Mộc tạ ân ban của Văn Hầu, Huyền Xương dùng thiện luận mà chống báng Tống Chúa, Tuệ Viễn chẳng xuống núi mà ngạo với Tề Hậu, những bậc đó là người nào ư?” Do đó, Sư trốn đến Bắc Phụ, vượt qua Đông Cương, Khảo Bàn, Vân Minh.

Sau, Sư đến dừng trụ tại hóm đất của chùa Trúc Lâm, sửa sang mái nhà, gìn giữ bình bát mà viện cơ là già. Thế nhưng, Sư vẫn tiếp nối nêu cao cờ hồng của các Thánh, kế thừa việc đáng làm của Tiên hiền, giúp sáng Hoàng Phạm, bảo an trời người. Bỗng nhiên, ngài an tường nhập định suốt bảy ngày đêm rồi thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi. Lúc đó là ngày mồng 6 tháng 2 năm Thiên Thọ thứ 3 (692) dưới thời Vũ Tắc Thiên. Ngày hôm sau, y theo phép hỏa táng của Tây Vực, thu nhặt di cốt và tro để xây tháp thờ.

Các hàng sĩ thứ dân chúng thấy đều xót thương khóc than. Sư có các đệ tử như ngài Tăng Cảm, Tăng Huân v.v... khắc bia đá phụng thờ, đủ lễ đối với thầy. Quan Chánh Nghĩa đại phu sứ trì tiết, Nhuận Châu thứ sử Nhữ Nam quận Thăng, hưởng gió xa tưởng vui mà lâu đến, khen đức chuộng hiền, tán thành khuyết mỹ.

7. Truyện Pháp Trì trụ chùa Viên Tộ, ở Kim Lăng, thời Tiền Đường:

Thích Pháp Trì, họ Trương, người ở xứ Giang Ninh, thuộc Nhuận Châu. Nghi mạo ung túc, dáng thể nhả nhuần. Từ thuở bé đã bỏ tục, lớn lên phụng thờ minh sư, thiên cơ phát triển từ trong, hiểu biết lắng khắp phía ngoài.

Năm mười ba tuổi, Sư nghe danh Đại sư Hoàng Nhẫn ở Hoàng Mai, nên đặc biệt đến tham yết, mong được chỉ bày pháp yếu, ngài lãnh ngộ được đạo mâu. Sau trở về núi, lại phụng thờ Thiền sư Phương, và tỏ ngộ được Tông cực. Thiền sư Phương bảo vào thất ngài, truyền đèn nối sáng, nối tiếp sơn môn, hồng tuyên đạo hóa. Thiền sư Phương vừa ra khỏi núi. Các hàng học chúng đua ùn kéo đến nương tựa thưa hỏi tâm yếu. Danh tiếng Sư vang xa, khắp trong nước nhà thảy đều nghe biết. Chỉ trong vài năm, bốn bộ cúng kính mền tựa nương.

Lúc ngài Hoàng Nhẫn sắp thị tịch, bảo đệ tử là Huyền Trách rằng: “sau này có mười vị có khả năng mở mang đạo pháp của ta, mà trong đó, Pháp Trì ở Kim Lăng là một”. Sư rõ biết thiên tông ở hai xứ nhiều đời suy trì. Sau, Sư trao truyền pháp nhãn cho đệ tử là ngài Trí Oai. Đến niên hiệu Trường An thứ 2 (702) ngày mồng 5 tháng 9, Sư thị tịch tại chùa Viên Tộ. Sư di chúc lại “nên để nhục thể Sư dưới gốc thông cung cấp cho các loài cầm thú. Khiến con vật ăn máu thịt đều phát tâm Bồ-đề.

Ngày đó, giữa hư không có mấy cái phước thần từ phía Tây bay lại, nhiều quanh núi mấy vòng, mọi người đều thấy trước tiên ở viện cũ tối sẫm, rừng trúc đều biến thành màu trắng, Sư thọ sáu mươi tám tuổi.

8. Truyện Đạo Lượng chùa Vân Môn, ở Việt Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Lượng, họ Chu, người ở Việt Châu. Cha mất, trước kia ông làm Thứ sử quận Cối Kê.

Năm tám tuổi Sư xuất gia, học thông minh. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư học Tam Luận ở Hà Trung, lại giảng kinh Niết-bàn. Ngài tìm vào hang sâu, nạp y che thân, chỉ ăn rau trái nuôi giữ mạng sống, chẳng giao du với thế tục, chỉ chuyên giữ Đồng Chân.

Niên hiệu Thần Long thứ 1 (705) Hiếu Hòa Hoàng đế (= vua Trung Tông) ban chiếu mời Sư với mười vị đồng pháp tịch tông sư vào đại nội Trường Lạc, kết hạ an cư. Năm đó, Hoàng đế thọ giới Bồ-tát.

Duệ Tông cùng các phi hậu dâng cúng gấm quý lạ, chăn giã lót giường. Năm sau, (706) vua Trung Tông lại ban chiếu mời Sư đến Tây Viên để hỏi đạo. Cả triều đình đều khâm phục quý kính, Đại đô đốc Lý Hiếu Dật, Công bộ thượng thư Trương Tích, Quốc tử giám Chu Nghiệp Thôi Dung, Bí thư giám hạ Tri Chương, Thứ sử Mục châu là Khương Tiên đồng tâm kính mộ thưa hỏi thiền tâm, phần nhiều kết đạo nghĩa thầy trò, hoặc truyền hương hỏa.

Sư thị tịch lúc tám mươi hai tuổi. Các vị đệ tử như ngài Tuệ Viễn v.v... xây tháp cúng dường, Vạn Tề Dung soạn bài minh ghi trên tháp.

9. Truyện Đạo Tuấn trụ chùa Bích Giản, ở kinh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Tuấn, người xứ Giang Lăng, trụ tại tịnh xá Bích Giản, ở Chi Giang. Tu pháp môn Vô sanh của Đông Sơn, tức pháp môn của hai Tổ sư Đạo Tín, và Hoàng Nhẫn hoàng hóa. Ngài siêng năng tinh khiết khổ hạnh, chân chẳng bước ra khỏi chùa suốt hơn bốn mươi năm. Thất gần người xa, chẳng dám thưa hỏi. Sư chỉ có việc im lặng, như vậy mà danh tiếng vang dội khắp trong nước. Suốt hai triều vua, Vũ Tắc Thiên (685-705) và Trung Tông (705-710) sùng kính Sư là vị tăng cao hạnh. Sau, Sư cùng các ngài Hằng Cảnh, Ứng Chiếu vào nội cung thọ cúng dường. Khoảng niên hiệu Cảnh Long (707-710), Sư xin trở về quê cũ, vua Trung Tông ban tặng thơ ngự chế và tráng cảnh đồng trở về Chi Giang. Sư qua đời bỗng tự.

10. Truyện Huyền Giác trụ chùa Long Hưng, ở Ôn Châu thời Tiền Đường:

Thích Huyền Giác tự là Minh Đạo, họ Đái, là cháu chín đời của Yên Công và là năm đời của Tổ Khản cuối thời Hán. Húy là Liệt, qua sông mới là người Vĩnh Gia.

Sư xuất gia từ thuở nhỏ, nguồn tâm vốn sạch, trí ẩn toàn năng, lường chẳng thể nghĩ, hiểu nghĩa sâu xa. Ngã và vô ngã, thường hằng vốn biết. Không và bất không, đầy đủ đều thấy. Đã lìa bốn bệnh mà cũng mặc ba y. Dùng nước đức hạnh tắm gội thân mình, do đó mà thanh tịnh, đem thuốc tốt để trị mắt, nhờ vậy mà ngài sáng. Anh ruột Sư tức là pháp sư Tuyên cũng là bậc danh tăng, và còn hai người con đồng dự vào hàng ngũ xuất gia.

Sư vốn trụ tại chùa Long Hưng. Cả nhà quy tín, siêng năng tinh tấn, định căn chắc bền, chẳng hề dời đổi. Cây nghi bỗng nhiên tự gãy

đổ, ngã xuống chẳng dơ nhiễm khách trần. Thấy bên cạnh chùa đó có riêng một cảnh đẹp, Sư bèn xuống dưới núi, tự dựng am thiền, biển xanh rung động trước ngực, núi biếc khoanh vòng sau lưng. Bồng lai tiên khách năm tháng tới lui. Hoa che mây khói sớm tối xen lẫn. Bèn như công đức Phật bảo xông lên, chuông thần vọng lại, nhà báu hóa ra, Sư ở trong đó. Mặc chẳng dùng tơ vải, ăn chẳng bởi cây cày. Há đó là Trang Tử dùng vải bố làm xiêm y, tự có A-nan biến thành cam lồ cơm ăn. Sư lấy riêng học cô lậu, ba người ở trong đó có thầy, cùng với Thiền sư Sách ở Đông Dương gánh vác tùy duyên du phương hỏi đạo, đến bái yết Thiền sư Tuệ Năng ở Thiền Dương mà chứng được yếu chỉ.

Có thuyết cho rằng: “Sư chống tích nhiều quanh am đối đáp”. Nói ở Biệt Lục. Còn như cửa nhà của ngài Thần Tú, ngài từ xa đến hỏi pháp, nhưng cuối cùng đắc tâm yếu tại Tào Khê, khi đã quyết trạch điều nghi, ngài Tuệ Năng còn lưu giữ lại một đêm, nên gọi ngài là “Nhất Túc Giác”, vẫn một nửa Biển Thanh. Đến niên hiệu Tiên Thiên thứ 2 (713), ngày 17 tháng 10 Sư đang ngồi nhập định tại phòng riêng ở chùa Long Hưng an nhiên bất động, tăng chúng thấy đều buồn khóc. Đến ngày 13 tháng 11 năm đó (703) an táng Sư tại phía Nam của Tây Sơn, Sư thọ bốn mươi chín tuổi.

Trước khi thị tịch, Sư cảm tức tại đỉnh núi Tây, nhìn về phía chùa. Chỗ ở của Sư, bụi ngùi mà than rằng: “người vật đông nhiều, khiếu hoa um tùm. Sao dùng nó làm gì?” Đệ tử Sư là Hưng người xứ Ngô Hưng, sư Tuyên người nước Tân-la, và vài người đồng nghe mà đều chẳng lường biết. Bỗng dưng Sư kể lại rằng: “xưa kia, có một vị Thiền sư dẫn các đệ tử lần lượt du phương thưởng ngoạn. Từ xa đứng nhìn một ngọn núi mà than rằng: “người vật đâu nhiều thế?” Các vị đệ tử cũng không ai biết gì. Sau đó không bao lâu thì vị Thiền sư đó thị tịch. An táng nơi vùng đất hương về.

Từ Tây Sơn đến chùa cách hơn dặm đường, đưa tiễn an táng đông nhiều, người vật dao động, sự cảm động đến nổi như thế. Thêm nữa, trước khi Sư thị tịch, có loài nhạn đông hơn cả ngàn con bay đến ở phía Tây chùa. Người hầu nói rằng: “ấy từ đâu lại?” Giữa không trung có tiếng nói rằng: “là chỗ phân mộ ngài, nên từ biển bay ra”.

Sư có các đệ tử như ngài Tuệ Tháo, Tuệ Đặc, Từ Đăng, Huyền Tịch, đều là những vị truyền pháp của Sư ở thời bấy giờ rất được suy tôn. Sau, Lý Bắc Hải ung làm Quan thú ở Hoạc Châu, bèn bày hành lục của Sư làm văn bia, gọi là Thần Đạo. Sư xướng đạo đặc biệt nói rõ tu chứng ngộ nhập. Quan thú sử Khánh Châu là Ngụy Tĩnh Đô Biên tập

lại, gọi là “Vĩnh Gia Tập”.

Trước kia, Sư và Lãng Công ở Tả Khê là bạn đạo, Lãng Công đưa thư mời Sư đến ở núi đó. Do vậy, Sư nghĩ rằng Lãng Công bị vướng mắc bởi núi, buộc tình nơi giảng, Sư bèn viết thư đáp lại kích động khuyến tấn, ngôn từ mềm mại nghĩa lý rõ ràng, khiến núi ấy suốt đời như một, động tĩnh dùng lẫn nhau, ý thức thú nhập thâm hiểu ở đây, người thấu đạt đến đó. Khi Sư qua đời, vua ban sắc tặng Sư thụy hiệu là “Vô tướng”, tháp tên là “Tịnh Quang”.

11. Truyện Trí Oai tại chùa Thiên Bảo ở Kim Lăng, thời Tiền Đường:

Thích Trí Oai, họ Trần, người ở Giang Ninh. Ở gần Thanh Sơn, địa bàn khí tốt, khéo hợp điềm lành có trước, Duy nhạc giáng thần. Lúc còn bé thơ mà khí phách đã khác với sự nhận biết của mọi người. Sư đến các chỗ vui đùa mà không hề nhiễm tục, tánh ghét trang sức, khác với mọi người.

Tự nhiên một ngày nọ, Sư bỏ nhà đi, cha mẹ chẳng biết đi đâu, mới đến khắp các chùa tìm hỏi, thì ra Sư đã đến nương tựa Pháp sư Thống ở chùa Thiên Bảo, tụng đọc kinh điển Đại thừa, mới vài trăm trang mà sự thấu suốt vượt hẳn người bình thường, cả chúng đều tán phục. Năm hai mươi tuổi, Sư đến Ngô Ân xuống tóc, sau đó đến chùa U Nham, nhân đây Sư theo pháp sư Pháp Trì, cầu học thiền pháp, thấu đạt diệu lý sâu mầu tiếp nối đạo nghiệp. Đã đạt được minh châu trong búi tóc, Sư điềm nhiên nhàn phóng, hình dung ôn nhuận, mặt như trăng đầy, lời nói thanh nhã, tuệ đức thơm lừng, vang động một thời mà tiếng tăm vang khắp xa gần. Những vị tham cầu định học ở Giang Tả thường tìm đến, mà trong đó ngộ được nguồn tâm chính là Thiền sư Tuệ Tư. Ngài bèn bảo kế nghiệp sơn môn, truyền trì đạo hóa, còn ngài tự ra trú chùa Diên Tộ, nói thuyết lợi người, ban bố nhiều ích.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 10 (722) ngày mồng 8 tháng 10, Sư thị tịch tại đó, có di chúc lại “nên đem nhục thể vào để trong rừng bố thí cho các loài cầm thú”. Các đệ tử như ngài Huyền Đỉnh v.v... theo lời chỉ dạy mà làm. Sư thọ bảy mươi bảy tuổi.

Có một thời gian, ban đêm Sư hành hạnh đầu-đà cho đến gần sáng, có ba con hổ gặp Sư, Sư liền cắt ngang giữa đường đi qua, không tỏ vẻ khiếp sợ. Hổ bèn theo Sư đi đến cửa núi, nhìn quanh bốn phía rồi đi, và cũng từng có hai con thỏ và một con chó cùng nhau đùa giỡn trong sân nhà, không sợ gì nhau. Bởi tâm đại bi bình đẳng, người vật

như nhau, nên có được như thế.

Thứ nữa, tại núi Tư Không có ngài Thích Bốn Tịnh, họ Trương, người xứ Đông Bình. Từ thuở thiếu thời, Sư đã vào cửa Phật. Với tiết tháo lớn mạnh, lúc du phương gặp được Lục Tổ Huệ Năng ở Tào Khê nên dứt bỏ nghi ngờ vướng mắc.

Đầu niên hiệu Khai Nguyên (713), Sư đến núi Tư Không, ở Nam Nhạc, thư thái sống ở đó, người chẳng biết, ta biết, là lý do tệ nạn. Khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756), nhân có Dương Đình Quang vào núi hái thuốc, tình cờ gặp gỡ, nên luận đạo suốt ngày. Đến lúc trở về, tấu trình cùng triều đình, nên có chiếu ban thỉnh, Sư về kinh đô trụ tại đình Bạch Liên Hoa. Nhà vua biết Phật pháp sâu mầu, ai dám liều lượng. Bèn ban chiếu mời pháp sư Viên ở chùa Thái Bình cùng ba vị Thạch Đức thật học ở Lương Nhai, phát hỏi phong khởi, như trăm mũi tên cùng nhắm rượt đuổi con thỏ. Ngài bèn cất nhắc ung dung cùng chống chỏi bốn mặt, thí như mở chín công cơ giới của Mặc Dịch. Thế rồi, Sư biện luận như ngôi sắp nung, ngoài lúc chỉ dạy mới dẫn giáo điển liễu nghĩa viện chứng. Sư lại nói kệ già-đà, không một vướng mắc. Nhà vua trong ý mừng vui, mọi người trông thấy đều ngợi khen.

Đến niên hiệu Thượng Nguyên thứ 2 (762) ngày mồng 5 tháng 5, Sư thị tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Vua Túc Tông ban tặng thụy hiệu là “Đại Hiểu Thiên Sư”. Và cũng lấy chỗ Sư ở mà đặt tên là “Tư Không Sơn Thiên Sư”.

12. Truyện Huệ Lãng trụ chùa Long Hưng, ở Mục Châu, thời Tiền Đường:

Thích Huệ Lãng, người xứ Toại An, thuộc Tân Định. Năm hai mươi hai tuổi, đến Bắc Sơn, thuộc Cù Châu, gặp được thủ tướng của Nam Tống Đốn Giáo, Sư bèn thỉnh cầu làm thầy. Vị ấy bảo Sư rằng: “Ngài từ lâu tích tập tịnh nghiệp, tôi chẳng phải thầy của Ngài, Ngài nên đến Thiên Thai sẽ gặp được bậc thầy đầy đủ trí tuệ hiền đức”. Sư đến chùa Thạch Thành ở Diệm Khê, thấy một thiền ông, chẳng biết từ đâu lại, tóc bạc da trắng, mắt như điện chớp, tiếng tụng chuông ngân, thần khí ôm trầm cả thái hư. Vị đó hỏi Sư rằng: “Ông sắp đi đâu vậy?” Sư đáp: “Muốn đến Thiên Thai, cầu Đại Pháp của Phật”. Nhân đó, hai người cùng đi, chừng khoảng mười dặm, dừng nghỉ dưới rừng cây và vị đó bảo Sư rằng: “Pháp thường tịch nhiên, kia cũng như vậy, sao phải đến nơi xa? Phải giáo hóa kẻ hữu duyên, nên trở về chỗ cũ để độ vô lượng chúng?” Nói xong thì không thấy vị đó đâu nữa. Sư tỏ rõ bốn tâm,

ngộ tri kiến Phật. Bèn ẩn cư nơi núi rừng suốt mấy năm, mới trở về ở chùa Tuệ An tại quê cũ. Tợ như cư sĩ Tịnh Danh mặc phi pháp phục, Thuần-đà khéo léo, tâm như tâm Phật, Ly Châu còn ẩn, sư tử chưa sống, cuối cùng nhược tang, vượt bờ sông mê.

Một hôm, núi rừng Tần vọng chấn động, bỗng chốc có con rùa lớn hiện hình. Mọi người hỏi nhau rằng: “đây là điềm gì vậy?” Lại có vị thiền tăng, tên là Biện, từ chùa Vân Môn, ở Cối Kê đi đến. Thân Ngài (Biện) cao tám thước bốn tấc, mũi cao mắt lớn, tròng mắt sáng soi chiếu người, thông rành các kinh Đại Phẩm, Tư Ích, Duy-ma v.v... kiêm rành rẽ các luận. Đại chúng đều bảo “Ngài (Biện) là vị Thần tăng, rùa lớn ứng điềm như thế”. Còn Sư (Tuệ Lãng) kín hành hạnh Bồ-tát nên thỉnh ngài Biện Công làm thầy. Biện Công nêu bày nghĩa kinh Duy-ma, Sư bèn đáp rằng: “Như mặt nhật soi chiếu vào lửa đom đóm, nước biển rót vào vết chân trâu”. Biện Công vô cùng mến quý, bảo rằng: “thật là Tịnh Danh”.

Vào niên hiệu Cảnh Long (707-710), các vị như Úy Dư ở huyện Ngô Xuyên, Thiếu Hưng Tông Đẳng, Lệnh Dư Nhân ở huyện Tân Xương, v.v... cả mười mấy nhà đều cùng nhau tôn kính phụng thờ, thay đổi thỉnh Sư quang lâm. Một đêm, Sư bỗng thấy ánh sáng từ cổ phát ra, bên ánh đèn có đủ núi sông đầy cả mười mấy dặm. Các loài hàm tình, không loài nào chẳng quy y. Biện Công lại thêm nghĩa lễ thầy trò. Do đó, trở lại bái thỉnh Sư thăng tòa. Trước tiên, Sư mới chỉ bày: pháp thân thấy khắp các loại chúng sanh, kể đến giảng rõ biến hóa tất cả đều như. Kẻ tăng người tục mừng vui, mỗi người đều ngợi khen rằng: “Xưa kia, núi rừng rung chuyển, rùa lớn chỉ điềm lành, chẳng phải do Biện Công ứng rõ vậy”. Từ đó, những người tham học thiền quán khắp bốn phương đua nhau tìm đến tấp nập.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 4 (716), Bồn Châu Mục Lý Tư Huyền đến phía nam Long Sơn, xây dựng một ngôi chùa, thỉnh Sư về an trụ tại đó. Sư mới kiến lập Đại giới đàn, mời khắp các bậc Luật sư đức hạnh. Trong đó, có Ngạn Công ở Quang Châu, Siêu Công ở Cối Kê làm thượng thủ. Thế rồi, Sư phát tâm ít có thọ giới cụ túc, tợ ngọc tròn trắng tỏ, trong ngoài đều sáng. Sư đến khắp các giới đàn làm giới sư, tôn chứng. Trở lại thỉnh cầu học hỏi, làm học sĩ. Tình cảm mọi người thêm nặng, đạo hạnh càng tôn. Đến năm Khai Nguyên thứ 7 (719), Thứ sử Vi Lợi Khí thâm tâm quy hướng. Qua năm sau (720), Hấp Châu trưởng sử Hứa Tư, cung thỉnh Sư đến chỗ ông đang trị vì. Lúc Sư lên pháp tòa, bỗng nhiên có một con gấu đến phủ phục ở phía trước, nó do nghe tiếng

chuông mà đến, cả chúng đều tán loạn, sợ nó làm hại, nhưng vì nó có tâm muốn nghe pháp. Ngài dạy dỗ loài thú dữ thuần phục đến như thế.

Đến ngày 21 tháng 9 niên hiệu Khai Nguyên thứ 13 (725), Sư bảo các môn nhân rằng: “Ta sắp đi đây! Ta đã ba đời sống tại Châu này, nay là một đời vậy!” Nói xong, Sư an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi. Các vị đệ tử vòng theo di huấn cử hành lễ trà-tỳ, xây tháp thờ.

Các vị học giả theo Sư đã nhiều, mà những người Đinh ngộ thanh thoát, trong đó có ngài Đạo Âm, Tuệ Hựu, Đạo Thiên ở chùa Khai Nguyên. Biện Hải ở chùa Long Hưng, Tấn Ngọc ở chùa Ninh Quốc, Hữu Bái, Viễn Chính ở chùa Bảo Lâm, thuộc Việt Châu, Nhất Hạnh ở chùa Trúc Lâm, thuộc Hàng Châu, v.v... đều là những vị mở mang đạo pháp của Sư, nối nhau như dưa dày đặc. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (778), quan Thái Thú Tân Định là Tiêu Định soạn văn bia, Quan Tư Mã Lưu Khương Khanh viết chữ, Quan Thứ Sử Lý Quý viết ngạch bằng chữ triện. Đó đều là chỗ của các bậc Danh Công Thanh khoa toàn mỹ.

13. Truyện ngài Cự Phương trụ viện An Quốc, ở Vận Châu, thời Tiền Đường:

Thích Cự Phương, họ Tào, người ở xứ An Lục. Từ thuở bé, Sư giữ tiết tháo, lập thân theo thầy, cầu xin xuất gia với Thiền sư Lãng ở viện Minh Phước, thuộc Châu Tri. Thọ học hai bộ kinh Pháp Hoa và Duy-ma-cật. Công khóa hoàn tất, Sư thọ giới cụ túc. Sư lại nghe giảng luận Nam Tông ở vài trường giảng, rồi phẩy áo tầm cầu tham yết các thiền hội.

Sau, Sư đến chỗ xét khảo tinh nhuệ của Thiền sư Thần Tú, thuộc Bắc Tông. Vừa mới thấy Sư, Thần Tú điềm nhiên chấp nhận, hỏi Sư rằng: “chỗ mây trắng tan thì thế nào?” Sư đáp: “không mờ tối”. Lại hỏi: “Từ lúc này về sau thế nào?” Sư đáp: “thật thầy rõ một cành mọc năm lá”. Ngài Thần Tú gật đầu chấp thuận, Sư trú tại đó vài năm, vào thất hầu hạ hỏi đáp, ngõ hầu chân đạo ít có ai sánh bằng. Sư từ biệt Quán Phương, đi đến núi lạnh Thượng Đãng và trú tại đó nhiều năm, học chúng đông đến vài trăm vị. Cầu thỉnh không ngăn ngại. Chỗ đề xướng của Sư là “chân vọng đồng một nguồn, nhanh chậm không khác loại. Đắc tâm giúp đạo ở tại tu trì”. Đại loại đều như vậy.

Vận soái Ngô văn Tháo Thị Trung khâm phục, kính mến đạo phong của Sư, sai sứ thỉnh Sư về tại phủ, tạo lập viện An Quốc, thỉnh Sư ở đó chỉ dạy học chúng. Những người mến chuộng đạo phong tổ đức, chẳng lìa xa pháp tịch, và có nhiều vị đốn ngộ. Vận Soái hỏi Sư rằng:

“từ nay về sau, thời vận thế nào?” Sư đáp: “đất rải cát vàng, người ở cõi báu”. Ngô Soái kính tin mến phục, do đó mà quân dân cả phủ đều càng kính ngưỡng. Mọi người trong dòng họ Ngô bất kể lớn nhỏ thấy đều kính trọng Sư như vị thần minh, cúng dường bố thí rất trọng hậu. Sau đó, Sư lại đến Ngũ Đài hóa đạo, suốt hơn hai mươi năm, mới thị tịch. Khi đó, Sư bảo với chúng rằng: “tuổi thọ của tôi đến đây là mãn”. Nói xong Sư bèn tịch, thọ tám mươi một tuổi. Bấy giờ là Ngài mồng 3 tháng 9 niên hiệu Khai Nguyên thứ 15 (727) đón rước toàn thân nhục thể của Sư nhập tháp.

Thứ nữa, tại viện An Quốc ở Phủ Hà Trung có ngài Thích Trí Phong, vốn dòng họ Ngô, người xứ Hoài An, đến tuổi trung niên, Sư mới học đạo, hết mình cố gắng cần mật, thực hành hạnh đầu-đà. Sau bữa ăn giờ mao thì nước tương chẳng dính vào răng. Sư đến pháp sư Hằng chùa Thanh Tịnh ở trong Châu Quận cầu xin xuống tóc, thọ giới cụ túc, tập học Luận Duy Thức, có người đến bắt bẻ, chê trách Sư bị mắc kẹt danh tướng. Sư giận bỏ trường giảng, tìm đến núi Võ Đang, tham kiến pháp hội của Thiên sư Thần Tú, thì tặng băng nghi ngờ tiêu tan. Sư tư duy nuôi dưỡng mầm thánh. Bỗng nhiên, Sư khước từ, ra trụ tại núi An Phong, thuộc Bồ Tân cấm túc suốt mười năm. Thường ngày SƯ chỉ ăn cây cỏ uống nước suối. Vệ Văn Thăng thuộc Châu Mục thỉnh Sư về trong thành, lập viện An Quốc để Sư trú tại đó. Từ đó, các loài thú đua nhau sanh sản, phát triển đông nhiều. Sư quân hỏi Sư rằng: “Tại đây, từ nay về sau như thế nào?” Ngài đáp: “mặt nhật từ mưa rơi giàn giụa soi chiếu, cây cối hoàn toàn không có bóng”. Sư quân ban đầu không hiểu được ý chỉ, bèn cuốn diệp mà thổi lui, trong thời gian ngắn chọn mở hiểu đủ nên bỏ đến Hoài An. Sư qua lại núi Trung Điều hơn hai mươi năm, ít ỏi chẳng đủ, những người thành đạt đạo của Sư không thể kể xiết. Sau khi Sư thị tịch, các hàng nhân xây tháp thờ cách Châu Bắc khoảng ba mươi bộ.

14. Truyện ngài Hương Dục ở núi Đại Phật thuộc Dĩnh Châu, thời Tiên Đường:

Thích Hương Dục, họ Lý, người ở xứ Tế Âm. Cha Sư làm nhân viên của Châu Duyện. Sư có đạo tánh, thường nghiên cứu tập học Lão Trang. Căn khí phấn phát, bỗng nhiên lưu tâm để ý đến kinh điển Phật pháp. Sư quyết chí từ bỏ thế tục, tìm đến luật sư Trí Nguyên chùa An Định ở Thương Châu cầu xin xuất gia.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư tinh cần học luật, sắp hoàn tất. Một

hôm, Sư từ già thầy đi tham lễ các Thánh tích. Sư vượt qua Thiên Thai, đến Nam Nhạc, có lúc đến nham A, hoặc ẩn dưới bóng cây. Cuối cùng, Sư đến Ngũ Đài. Sau Sư tham dự vào pháp hội do Tổ sư Thần Tú đang hoằng hóa thành hành, tâm xửa hợp nhau, kính tiết mong tiếng. Ngài Thần Tú hỏi điều gì, Sư đối đáp kín đáo như ẩn thư, tất cả điều mở giải. Ngài Thần Tú im lặng lấy làm lạ. Sư ở trong chúng trải qua nhiều năm, đến khi thấu suốt nguồn tâm, Sư liền từ biệt ngài Thần Tú mà vào núi Đại Phật ở Phú Thủy. Sư giữ tiết tháo mạnh mẽ, an trụ thiền định, mỗi ngày chỉ ăn một bữa trước giờ mào. Châu Tướng Hàn Nhuận dốc lòng kính tín đạo phong của Sư, kiên trì cầu thỉnh Sư xuống núi, nhưng Sư chỉ cáo bệnh mà thôi. Từ đó, người xuất gia, tại gia thấy đều khát ngưỡng quy y. Hàn Sư quân kéo xe tiếp nối cúng dường nối nhau, tạo lập pháp đường rực rỡ tráng lệ và thường đến hỏi đạo. Hàn Hầu hỏi ngài “Phật pháp về sau như thế nào?” Sư đáp: “đồng như thái hư, ủy phó cho người có năng lực”. Hàn Hầu khâm phục kính chuộng, đồ chúng thường có đến ngàn vị. Trong đó, các bậc hiền nhân và kẻ chẳng ra gì cùng ở lẫn lộn, thường nghe có việc bất trắc trong tăng, Sư dự nghe nhận. Một hôm, Sư nói pháp, kể đến nói với chúng rằng: “Lành thay pháp hội này thật khó gặp, phải quyết dứt mọi điều nghi, chớ để luống qua!”. Rồi Ngài bảo lấy nước tắm gội xong, ngồi thẳng mà hóa, thọ chín mươi ba tuổi.

15. Truyện ngài Hàng Ma Tạng Sư ở Đông Nhạc, thuộc Duyện Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tạng Sư, họ Vương, người ở Triệu Quận, Cha Sư làm nhân viên của Châu Duyện. Từ thuở bé, Sư đã tìm thấy học đạo, tự nhiên kính mến Phật pháp, mà tánh lại thích sống riêng một mình. Tại chùa Sư ở có nhiều Lê Quỷ mê mỵ người. Đến lúc bảy tuổi, Sư một mình một bóng, ở chốn hoang vắng mà không hề có chút sợ hãi. Đến lúc trưởng thành, Sư càng vượt trội khác thường nên mọi người gọi Sư là “Hàng Ma Tạng”.

Sư thưa hỏi Thiên sư Minh Tán ở viện Quảng Phước, ý ngài Minh Tán cho rằng “Sư là bậc pháp khí” nên mới phát khởi câu hỏi, Sư ứng đối biện luận nhã hợp, hỏi đáp rạch ròi, nhân đó mà Sư được lưu lại chấp sự phục dịch ân cần thọ pháp. Ngài Minh Tán bảo Sư tụng Kinh Pháp Hoa, qua một tháng thì Sư thấu suốt cả bộ, nên được xuống tóc, thọ giới cụ túc, tập học luật tạng, tiếp đến giảng luận Nam Tông. Đại cơ sắp phát, bỗng nhiên Sư ném phất trần. Các linh tích ở khắp chín châu

không chỗ nào Sư chẳng đến tham lễ. Sau Sư đến gặp Bắc Châu Đảnh Thạnh, bèn phát nguyện nương tựa. Ngài Thần Tú hỏi Sư: “Ông tên là Hàng Ma, tại chỗ ta đây không có sơn tinh mộc quái, ông lại làm ma ư?” Sư đáp: “có Phật thì có ma”. Ngài Thần tú bảo: “Ông nói ma như thế tức là ở cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận”. Sư đáp: “Phật đã là không, sao lại không thể suy nghĩ bàn luận”. Bấy giờ đại chúng đều lấy làm lạ mà kính phục Sư. Trước tiên là ngài Thần Tú huyền ký cho Sư là: “ông có duyên với gò Thiệu Hạo”. Sư bèn tìm đến Thái Sơn, vài năm sau người học đến rất đông, cúng dường cung cấp đầy đủ. Sư chỉ là sau kiệu vàng của Cốc Lãng Công hành hóa.

Một hôm, Sư bảo môn nhân rằng: “nay tôi già suy, tất cả mọi vật cuối cùng phải có chỗ về, chính là lúc này đây”. Nói xong, Sư thị tịch, thọ chín mươi một tuổi.